

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ chuyển đổi từ trồng lúa
sang trồng ngô năm 2019 theo Quyết định số 915/QĐ-TTg
ngày 27/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 915/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ để chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng ngô tại vùng Trung du miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ các quyết định của UBND tỉnh số: 3593/2016/QĐ-UBND ngày 16/9/2016 về việc quy định mức hỗ trợ giống ngô để chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng ngô theo Quyết định số 915/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; 5068/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4039/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch diện tích và phân bổ kinh phí hỗ trợ chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng ngô năm 2019 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định số 915/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của liên ngành: Sở Tài chính - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 5831/TTrLN: STC-SNN&PTNT ngày 05/11/2020 về việc phê duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng ngô năm 2019 theo Quyết định số 915/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng ngô năm 2019 theo Quyết định số 915/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ, với các nội dung chính như sau:

1. Tổng kinh phí phê duyệt quyết toán: 873,2 triệu đồng.
2. Kinh phí đã cấp: 1.378,8 triệu đồng.
3. Kinh phí còn thừa phải thu hồi: 505,6 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. UBND các huyện chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu trong hồ sơ báo cáo quyết toán và hoàn trả kinh phí còn thừa về ngân sách tỉnh theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

2. Sở Tài chính thực hiện các biện pháp nghiệp vụ thu hồi số kinh phí còn thừa tại các huyện về ngân sách tỉnh theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NN. (602.2020)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền

Phụ biểu:

**TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ GIỐNG ĐỀ CHUYỂN ĐỔI TỪ TRỒNG LÚA SANG TRỒNG NGÔ
NĂM 2019 THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 915/QĐ-TTg NGÀY 27/5/2016 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: triệu đồng.

Số TT	Đơn vị	Kế hoạch giao		Số đơn vị đề nghị quyết toán		Số liệu quyết toán		Kinh phí đã cấp	Kinh phí còn thừa phải thu hồi
		Diện tích (ha)	Kinh phí	Diện tích (ha)	Kinh phí	Diện tích (ha)	Kinh phí		
	TỔNG SỐ	574,5	1.378,8	365,0	873,2	365,0	873,2	1.378,8	505,6
1	Huyện Thọ Xuân	228,0	547,2	228,0	547,2	228,0	547,2	547,2	
2	Huyện Đông Sơn	50,0	120,0					120,0	120,0
3	Huyện Nông Cống	20,0	48,0					48,0	48,0
4	Huyện Triệu Sơn	70,0	168,0	70,0	165,2	70,0	165,2	168,0	2,8
5	Huyện Hà Trung	10,0	24,0	5,0	12,0	5,0	12,0	24,0	12,0
6	Huyện Thiệu Hóa	50,0	120,0					120,0	120,0
7	Huyện Vĩnh Lộc	43,5	104,4					104,4	104,4
8	Huyện Cẩm Thủy	41,0	98,4					98,4	98,4
9	Huyện Yên Định	62,0	148,8	62,0	148,8	62,0	148,8	148,8	